

Số: 46 /2017/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 9 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng
đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHOÁ XII, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Xét Tờ trình số 192/TTr-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XII, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2017, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 10 năm 2017 và thay thế Điều 1 Nghị quyết số 22/2010/NQ-HĐND ngày 13 năm 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh và quy định mức phụ cấp đối với cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa./.

Nơi nhận:

- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc cho Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội bầu ở tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, Hội, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, KTNS (01).L180.



CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân

QUY ĐỊNH

**Mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với
các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND
ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội có sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị) của tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối với chế độ công tác phí:

- Cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội có sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ của tỉnh Quảng Ngãi

- Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp khi tham gia hoạt động của Hội đồng nhân dân.

b) Đối với chế độ chi hội nghị:

- Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề; hội nghị tổng kết năm; hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ công tác do các cơ quan hành chính nhà nước tổ chức được quy định tại Quyết định số 114/2006/QĐ-TTg ngày 25/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định chế độ họp trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước (sau đây gọi là Quyết định số 114/2006/QĐ-TTg ngày 25/5/2006); kỳ họp của Hội đồng nhân dân, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân và cuộc họp các Ban của Hội đồng nhân dân.

- Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề, hội nghị tổng kết năm, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Các hội nghị chuyên môn, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ hoặc các hội nghị được tổ chức theo quy định trong điều lệ của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

c) Riêng Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc, hội

ng nghị của các cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện theo quy định riêng của cấp có thẩm quyền.”

Điều 2. Chế độ công tác phí

1. Thanh toán tiền chi phí đi lại

a) Thanh toán theo hóa đơn thực tế

Quy định về tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác trong nước: Hạng ghế thương gia (Business class hoặc C class) dành cho các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,3 trở lên; Hạng ghế thường: dành cho các đối tượng còn lại.

b) Đối với những vùng không có phương tiện vận tải của tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải hành khách theo quy định của pháp luật mà người đi công tác phải thuê phương tiện vận tải khác thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét quyết định cho thanh toán tiền thuê phương tiện mà người đi công tác đã thuê trên cơ sở hợp đồng thuê phương tiện hoặc giấy biên nhận với chủ phương tiện (có tính đến giá vận tải phương tiện khác đang thực hiện cùng thời điểm tại vùng đó cho phù hợp);

c) Mức thanh toán: theo giá ghi trên vé, hoá đơn, chứng từ mua vé hợp pháp theo quy định của pháp luật, hoặc giấy biên nhận của chủ phương tiện; giá vé không bao gồm các chi phí dịch vụ khác như: tham quan du lịch, các dịch vụ đặc biệt theo yêu cầu.

Riêng trường hợp vé máy bay không bao gồm cước hành lý thì người đi công tác được thanh toán cước hành lý theo đơn giá cước hành lý của chuyến đi và khối lượng hành lý được thanh toán tối đa bằng khối lượng hành lý được mang theo của loại vé thông thường khác (là vé đã bao gồm cước hành lý mang theo).

2. Thanh toán khoán kinh phí sử dụng ô tô khi đi công tác, khoán tiền тү túc phương tiện đi công tác:

a) Đối với các chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tự nguyện đăng ký thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô khi đi công tác: Mức thanh toán khoán kinh phí sử dụng xe ô tô khi đi công tác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 159/2015/TT-BTC ngày 15/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

b) Đối với cán bộ, công chức, viên chức không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác, nhưng nếu đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên (đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) và từ 15 km trở lên (đối với các xã còn lại) mà tự тү túc bằng phương tiện cá nhân của mình thì được thanh toán khoán

tiền tự túc phương tiện bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm đi công tác và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

3. Phụ cấp lưu trú:

a) Đi công tác ngoài tỉnh 200.000 đồng/người/ngày (kể cả đi và về trong ngày);

b) Đi công tác trong tỉnh (không bao gồm huyện Lý Sơn):

Địa bàn nơi đến công cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên (đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) là 150.000 đồng/người/ngày (kể cả đi và về trong ngày);

Tại các địa bàn còn lại, có quãng đường đi công tác tối thiểu 15 km: 100.000 đồng/người/ngày (kể cả đi và về trong ngày).

c) Cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng ở đất liền được cử đi công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo (bao gồm huyện Lý Sơn) thì được hưởng mức phụ cấp lưu trú là 250.000 đồng/người/ngày. Riêng cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng làm việc tại huyện Lý Sơn khi đi công tác từ xã: An Hải, An Vĩnh đến xã An Bình và ngược lại là 100.000 đồng/người/ngày (kể cả đi và về trong ngày).

Điều 3. Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác

1. Mức thanh toán theo hình thức khoán:

a) Đối với lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 trở lên, mức khoán 1.000.000 đồng/ngày/người (không phân biệt nơi đến công tác).

b) Đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại:

Đối với đi công tác ngoài tỉnh: nơi đến công tác là quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh đến công tác, mức khoán là 450.000 đồng/ngày/người; nơi đến công tác là huyện, thị xã thuộc thành phố trực thuộc trung ương, tại thị xã, thành phố còn lại thuộc tỉnh đến công tác, mức khoán là 350.000 đồng/ngày/người; nơi đến công tác là các huyện thuộc tỉnh đến công tác, mức khoán là 250.000 đồng/ngày/người.

Đối với đi công tác trong tỉnh: nơi đến công tác là thành phố Quảng Ngãi, mức khoán là 200.000 đồng/ngày/người; tại các huyện, thị xã còn lại, mức khoán 150.000 đồng/ngày/người.

2. Mức thanh toán theo hoá đơn thực tế:

Trong trường hợp người đi công tác không nhận thanh toán theo hình thức khoán tại khoản 1 Điều này thì được thanh toán theo giá thuê phòng thực tế (đã bao gồm các khoản thuế, phí (nếu có), có hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật) do chủ trường cơ quan, đơn vị duyệt theo tiêu chuẩn thuê phòng tối đa, như sau:

a) Đi công tác ngoài tỉnh:

Nơi đến công tác là các quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh: đối với lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 trở lên được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 1.200.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/1 phòng; đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 1.000.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng.

Nơi đến công tác là các vùng thuộc các tỉnh, thành phố còn lại: đối với lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 trở lên được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 1.100.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/phòng; đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 700.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng.

b) Đi công tác trong tỉnh (áp dụng đối với tất cả các đối tượng):

Nơi đến công tác là các huyện, thị xã được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 400.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng.

Nơi đến công tác là thành phố Quảng Ngãi được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 500.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng.

c) Trường hợp người đi công tác thuộc đối tượng thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 2 người/phòng đi công tác một mình hoặc đoàn công tác có lẽ người hoặc lẽ người khác giới, thì được thuê phòng riêng theo mức giá thuê phòng thực tế nhưng tối đa không được vượt mức tiền thuê phòng của những người đi cùng đoàn (theo tiêu chuẩn 2 người/phòng);

d) Trường hợp người đi công tác thuộc đối tượng thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 2 người/phòng đi công tác cùng đoàn với các chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn thuê phòng khách sạn 1 người/phòng, thì người đi công tác được thanh toán theo mức giá thuê phòng thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (phòng Standard) tại khách sạn nơi các chức danh lãnh đạo nghỉ và theo tiêu chuẩn 2 người/phòng.

3. Trường hợp người đi công tác do phải hoàn thành công việc đến cuối ngày, hoặc do chỉ đăng ký được phương tiện đi lại (vé máy bay, tàu hỏa, ô tô) từ 18h đến 24h cùng ngày, thì được thanh toán tiền nghỉ của nửa ngày nghỉ thêm (bao gồm cả hình thức thanh toán khoán và thanh toán theo hóa đơn thực tế) tối đa bằng 50% mức thanh toán khoán tiền thuê phòng nghỉ tương ứng của từng đối tượng; không thanh toán khoán tiền khoán thuê phòng nghỉ trong thời gian đi qua đêm trên tàu hỏa, thuyền, tàu thủy, máy bay, ô tô và các phương tiện đi lại khác.

Điều 4. Các quy định về thanh toán khoán tiền công tác phí theo tháng

1. Đối với cán bộ cấp xã thường xuyên phải đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng; cán bộ thuộc các cơ quan, đơn vị còn lại phải thường xuyên đi công

tác lưu động trên 10 ngày/tháng (như: Văn thư; kế toán giao dịch; cán bộ kiểm lâm đi kiểm tra rừng; cán bộ các cơ quan tổ tụng đi điều tra, kiểm sát, xác minh, tổng đạt và các nhiệm vụ phải thường xuyên đi công tác lưu động khác); thì tùy theo đối tượng, đặc điểm công tác và khả năng kinh phí, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định mức khoán tiền công tác phí theo tháng cho người đi công tác lưu động để hỗ trợ tiền gửi xe, xăng xe theo mức 500.000 đồng/người/tháng và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Các đối tượng được hưởng khoán tiền công tác phí theo tháng nếu được cấp có thẩm quyền cử đi thực hiện nhiệm vụ theo các đợt công tác cụ thể, thì được thanh toán chế độ công tác phí theo quy định này; đồng thời vẫn được hưởng khoán tiền công tác phí khoán theo tháng nếu đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng.

Điều 5. Đi công tác theo đoàn công tác phối hợp liên ngành, liên cơ quan

1. Trường hợp cơ quan, đơn vị có nhu cầu trung tập cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng thuộc cơ quan, đơn vị khác đi phối hợp công tác liên ngành nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị đó; trung tập tham gia các đề tài nghiên cứu cơ bản thì cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác có trách nhiệm thanh toán toàn bộ chi phí cho đoàn công tác gồm: Tiền chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác theo mức chi quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị chủ trì.

2. Trường hợp đi công tác theo đoàn phối hợp liên ngành, liên cơ quan do thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cấp trên triệu tập trung dụng hoặc phối hợp để cùng thực hiện các phần việc thuộc nhiệm vụ chính trị của mỗi cơ quan, đơn vị thì cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác chịu trách nhiệm chi tiền chi phí đi lại cho người đi công tác trong đoàn. Trường hợp các cá nhân thuộc thành phần đoàn công tác không đi tập trung theo đoàn đến nơi công tác thì cơ quan, đơn vị cử người đi công tác thanh toán tiền chi phí đi lại cho người đi công tác.

Ngoài ra, cơ quan, đơn vị cử người đi công tác có trách nhiệm thanh toán tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ cho người thuộc cơ quan mình cử đi công tác.

Điều 6. Chế độ chi hội nghị

1. Chi thuê hội trường (mức chi đã bao gồm các khoản thuế, phí (nếu có), theo quy định của pháp luật) trong những ngày tổ chức hội nghị (trong trường hợp cơ quan, đơn vị không có địa điểm phải thuê hoặc có nhưng không đáp ứng được số lượng đại biểu tham dự); mức chi đã bao gồm trang trí khánh tiết, tặng âm loa đài, tiền điện, trang thiết bị, thuê máy chiếu, nhân viên phục vụ, ... Tùy theo số lượng đại biểu, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định chọn địa điểm thuê phù hợp (bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả):

a) Hội nghị tổ chức tại thành phố Quảng Ngãi: mức chi tối đa là 3.000.000 đồng/buổi (nửa ngày), 5.000.000 đồng/ngày.

b) Hội nghị tổ chức tại huyện, thị xã còn lại: mức chi tối đa là 2.000.000 đồng/buổi (nửa ngày), 3.000.000 đồng/ngày.

c) Đối với hội nghị có tính chất đặc thù, quy mô lớn thì phải được Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định trước khi thực hiện.

2. Chi tiền văn phòng phẩm phục vụ hội nghị; tài liệu, văn phòng phẩm phát cho đại biểu tham dự hội nghị: Tùy tính chất hội nghị và nguồn kinh phí được giao, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị quyết định, mức chi tối đa: 30.000 đồng/đại biểu/lần.

3. Chi tiền thuê phương tiện đưa đón đại biểu là khách mời không có trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp từ nơi nghỉ đến nơi tổ chức cuộc họp trong trường hợp cơ quan, đơn vị không có phương tiện hoặc có nhưng không đáp ứng được số lượng đại biểu: mức thanh toán theo giá ghi trên vé, hóa đơn, chứng từ mua vé hợp pháp theo quy định của pháp luật, hoặc giấy biên nhận của chủ phương tiện (không bao gồm các chi phí dịch vụ khác).

4. Chi hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ cho đại biểu là khách mời không có trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp: Thực hiện theo Điều 3 Quy định này.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện

a) Mức chi quy định tại Quy định này là mức chi tối đa làm căn cứ để Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ vào nhiệm vụ của cơ quan đơn vị mình, khả năng dự toán ngân sách nhà nước được giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, rà soát và xây dựng lại quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp để làm cơ sở cho việc thanh toán, kiểm soát chi, quyết toán và kiểm tra, thanh tra của các cơ quan quản lý.

b) Các nội dung khác không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị.

c) Đối với các hội nghị được tổ chức bằng nguồn kinh phí do các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp, tài trợ, nhằm đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả khuyến khích vận dụng thực hiện chế độ chi tiêu hội nghị quy định tại Quy định này.

Các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý, được vận dụng chế độ công tác phí, chế độ chi tiêu hội nghị tại Quy định này để thực hiện bảo đảm phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của đơn vị. Trường hợp được ngân sách địa phương bố trí kinh phí thực hiện theo chương trình, đề án, dự án cụ thể, nếu có phát sinh nhiệm vụ chi công tác phí, chi hội nghị thì thực hiện theo quy định tại Quy định này.

2. Đối với nội dung chi hoạt động đặc thù của Hội đồng nhân dân không quy định tại Quy định này, thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND ngày 13/3/2013 của HĐND tỉnh quy định một số chế độ chi

tiêu bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp của tỉnh Quảng Ngãi và Nghị quyết số 41/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND ngày 13/3/2013 của HĐND tỉnh quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp của tỉnh Quảng Ngãi.

3. Khi văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.



Bùi Thị Quỳnh Vân